

Bản án số: 288/2023/HSPT

Ngày: 21/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 930/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trung H và các bị cáo khác, do có kháng cáo bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Nguyễn Trung H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2003 tại Hải Phòng (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng); nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, huyện L, Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng H1 và bà Nguyễn Thị Thu H2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Tạ Đức H3, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2003 tại Hải Phòng (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 10 tháng 25 ngày); nơi ĐKKHKT: Số 14/116, B, phường C, quận D, Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số 4 lô 18, Đ, phường S, quận D, Hải Phòng; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Quang C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh H4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021 tạm giam; có mặt.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

3. Vũ Văn Q, sinh năm 2002 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ P, phường H, quận K, Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C2 và bà Phạm Văn O; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị cáo có kháng cáo:

4. Lê Hoàng T, sinh năm 1981 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Số 312 M, phường N, quận F, Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: 1/174 V, phường G, quận X, Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc T1 và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Lê Thị Kiều T3 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Bản án số 12/2016/HS-PT ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung H và bị cáo Tạ Đức H3: Luật sư Nguyễn Duy N – Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Q: Luật sư Nguyễn Thị Tô H5 – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Tiến T4 có kháng cáo: Bà Vương Thị L và ông Nguyễn Tiến D; địa chỉ: Số 45B/189 cụm 2, phường Y, quận X, thành phố Hải Phòng. Bà L có mặt, ông Duy vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Luật sư Lê Ngọc H6 – Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h ngày 14/5/2021, Nguyễn Quang H7, Từ Văn N1, Nguyễn Hữu D1, Nguyễn Đình Đăng K, Nguyễn Tiến T4, Lương Tiến Đ, Đặng Ngọc Quỳnh A, Trần Trung K1 và Nguyễn Diệu P ngồi ăn tại quán số 99 Z, phường A, quận F.

Trong lúc ăn thì T4, Đ và K1 đi mua xôi. Khi về, K1, Đ và T4 kể chuyện trên đường đi bị nhóm thanh niên xịt hơi cay vào mặt, do nghi ngờ nhóm của Nguyễn Hải N2 là người xịt hơi cay vào mặt nên T4 gọi điện thoại cho N2 chửi nhau. T4 bảo với mọi người là N hẹn ra ngã tư F1, quận F đánh nhau. H7 cùng với K1 đi ra bụi cây gần quán lấy 03 dao tự tạo về đưa cho T4 01 dao tự tạo, đưa cho D1 01 dao tự tạo, H7 cầm 01 dao tự tạo. Sau đó N1 điều khiển xe mô tô chở D1, K điều khiển xe mô tô chở T4, Đ chở A cầm 02 vỏ chai thủy tinh, K1 điều khiển xe mô tô chở H7 đi tìm N2.

Lúc này, N2 đang đứng nói chuyện với Bùi Hoàng Duy A1, Trần Nam

K2, Nguyễn Huy H8, Nguyễn Nam T5, cùng một số người bạn ở cửa hàng tiện dụng số 261 X1, phường X2, quận F. Trong lúc nói chuyện, A1 bảo T5 và H8 đi mua thuốc lá. H8 và T5 đi ra ngã tư F1, quận F mua thuốc lá thì gặp nhóm của H7. Nhìn thấy H8 và T5 nên nhóm của H7 đuổi theo thì H8 và T5 bỏ chạy về cửa hàng tiện lợi thông báo cho N2, A1 và K2 cùng mọi người biết việc bị một nhóm thanh niên đuổi theo. N2, A1 và K2 bỏ chạy lên tầng 2 cửa hàng tiện lợi.

H7, T4, K, N1, D1 và K1 đuổi theo đến cửa hàng tiện lợi thì dừng lại. T4, K1 và H7 chạy lên nhưng N2 đã trốn vào nhà vệ sinh chốt cửa lại nên T4 kéo K2 xuống tầng 1. K xông vào cùng với H7, T4 dùng chân, tay đánh K2 rồi bắt K2 lên xe mô tô do K điều khiển chở về quán ăn số 99 Z.

Tại đây nhóm của H7 tiếp tục tra hỏi chỗ trốn của N2. K2 nói N2 vẫn ở cửa hàng tiện lợi, sau đó K1, Đ, A, D1 và N1 đưa K2 về nhà, còn H7 một mình điều khiển xe mô tô cầm 01 kiếm, T4 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 734.21 chở K cầm 01 dao tự tạo tiếp tục đi tìm Nam.

Sau khi nhóm của T4, K bỏ đi thì N2 đi ra bảo với A1 gọi điện cho Nguyễn Trung H thông báo cho H biết việc K2 bị nhóm của H7 bắt đi. Lúc này H đang ở nhà của Lê Hoàng T cùng với Vũ Văn Q, Tạ Đức H3, Đỗ Thành T2, Nguyễn Thị Ngọc A2, Kha Thị N3 và bạn của T2 (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể).

Sau khi nhận được điện thoại của A1, H bảo H3 lên tầng 04 nhà T lấy 04 dao tự tạo rồi đi ra bàn uống nước nhà T lấy chìa khóa xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển kiểm soát 15A - 525.20 của T đưa cho Q. Q điều khiển xe ô tô, H ngồi ghế phụ bên cạnh cầm 03 dao tự tạo, H3 ngồi phía sau cầm 01 dao tự tạo. Trên đường đi H bảo Q điều khiển đến cửa hàng tiện lợi số 261 H1, phường X2, quận F để tìm N2. Q điều khiển xe ô tô trên đường H1 theo hướng từ ngã tư F1 về Cầu Niệm. Khi đi đến cửa hàng tiện lợi, thấy không có ai nên Q quay về, khi đi đến ngã tư H1 - T1 thì H nhận được điện thoại của A1 bảo N2 đã chạy thoát về khu Đồng Bún, phường X2, quận F nên Q điều khiển xe quay lại cửa hàng tiện lợi rồi rẽ trái vào ngõ 261 H1, phường X2, quận F. Khi xe ô tô do Q điều khiển đang rẽ sang đường thì xe mô tô do T4 điều khiển chở K phía sau đi trên đường H1, theo hướng ngã tư F1 về N1 đi đến đâm vào cửa phía bên cánh cửa bên lái của xe ô tô do Q điều khiển làm cửa xe bị móp méo, cửa kính bị vỡ.

Sau khi đâm xe mô tô vào xe ô tô, T4 điều khiển xe mô tô bỏ chạy về phía Cầu Niệm thì H ngồi trên xe ô tô phát hiện ra K, H nói “đứng thẳng K tôm rồi, đuổi theo”. Q điều khiển xe ô tô đuổi theo xe mô tô của T4 và K, T4 và K điều khiển xe mô tô chạy vào khu nhà ở B, ra đường N2 rồi rẽ vào đường L1, xe ô tô do Q điều khiển đuổi phía sau. Trên đường đi H nói “tí nữa anh tạt đầu xe nó để em chém chết mấy con lợn này”, H3 cũng nói “Tí bắt được tôi cũng phải phanh cho chúng nó phát”. Khi đến trước cửa nhà số 288 đường L1 thì H hô “anh đâm chết mẹ chúng nó đi”, Q đạp ga, tăng tốc xe ô tô khoảng từ 80 - 100km/h, đánh lái sang phải đâm vào đuôi xe mô tô do T4 và K điều khiển làm xe mô tô bị đổ, ngã văng lên vỉa hè, T4 và K nằm bất tỉnh trên vỉa hè. Q dừng xe ô tô thì H cầm dao tự tạo xuống chém 04 nhát vào vùng chân, lưng của K thì Q nói “thôi, mày

làm gì đây”, sau đó H lấy 04 con dao tự chế đem giấu vào khe tường gần đó rồi cùng với Q và một số người dân gần đó bế T4 và K lên xe ô tô của Q, sau đó Q và H đưa K và T4 đến bệnh viện V1 cấp cứu rồi đi về nhà T. Hậu quả: T4 và K đã chết.

Sau khi Q và H đưa T4 và K đi cấp cứu, H3 ở lại gọi điện về cho T2. T2 bảo H3 đi về nhà T. Khi về đến nơi Q, H3 và H kể cho T và T2 nghe việc Q điều khiển xe ô tô đâm vào xe mô tô của T4 và K, sau đó H còn dùng kiếm chém K. T gọi Q, H3 và H từng người vào phòng ngủ của T để T và T2 bàn cách đi trốn. Trong lúc bàn cách đi trốn thì T đưa cho Q, H và H3 mỗi người 500.000 đồng để đi trốn và đưa cho H3 01 điện thoại di động Nokia 105 để H3 liên lạc với H.

Ngày 15 và 16/5/2021, Nguyễn Trung H, Vũ Văn Q, Tạ Đức H3, Lê Hoàng T và Đỗ Thành T2 đến Cơ quan Công an đầu thú.

Quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan Công an đã thu giữ tại khe kỹ thuật giữa nhà số 296 và nhà số 298 L1, phường N3, quận F 04 con dao, thu giữ tại khu vực lòng đường cách bờ tường phía Đông công ty N4 (số 215 L1, phường N3, quận F) 01 con dao.

Tại Bản kết luận giám định số 85/2021/GĐPY ngày 25/05/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Nguyễn Tiến T4 tổ chức dưới da đầu tụ máu diện rộng, nứt vỡ phức tạp xương hộp sọ, xuất huyết não lan tỏa hai bán cầu, màng cứng bị rách và tổ chức não bị dập vỡ ở nhiều vị trí tương ứng với các vết nứt vỡ xương sọ; Gãy sụn xương sườn 10, xung quanh tụ máu nhỏ, tổ chức cơ ngực, bụng các vị trí khác không tụ máu. Tim và mặt trước phổi nhạt màu, bề mặt có một số chấm xuất huyết, các thương tích trên cơ thể nạn nhân có đặc điểm do va đập, mài trượt với vật tày gây lên. Tìm thấy cồn (ethanol), nồng độ Ethanol là 55,5mg/100ml. Nạn nhân chết do sốc chấn thương sọ não.

Tại Bản kết luận giám định số 86/2021/GĐPY ngày 25/05/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Nguyễn Đình Đăng K, tổ chức dưới da đầu tụ máu diện rộng, nứt vỡ phức tạp xương hộp sọ, màng cứng bị rách vùng thái dương trái, xuất huyết não lan tỏa hai bán cầu và tiểu não; xương sườn, xương ức không bị dập gãy, phổi hơi xẹp, tim kích thước bình thường, bề mặt có nhiều chấm xuất huyết; Vết rách thủng da vùng thắt lưng phải nằm theo chiều dấu sắc, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, trước ra sau, sâu 03cm, làm mẻ xương cùng cột. Các vết bầm tụ máu, xây xước, dập rách da bờ mép nhám nhở có đặc điểm do vật tày gây nên; Các vết rách thủng, xước da bờ mép sắc gọn có đặc điểm do vật sắc - nhọn gây nên. Tìm thấy cồn (ethanol), nồng độ Ethanol là 74,5mg/100ml. Nạn nhân chết do sốc đa chấn thương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 142/KL - HĐ ĐGTS ngày 31/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận F kết luận: 01 chiếc xe ô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Mazda, loại CX5, màu đen, số máy PY21116791, số khung RN2KF5326JC 086117, mang biển kiểm soát 15A - 525.20 giá trị thay thế, sửa chữa tài sản cần định giá trên tương đương là 18.147.000 đồng; 01 chiếc xemô

tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đen - vàng đồng, số khung RLHJF63321Z476651, số máy JF94E0072802 mang biển kiểm soát 15B3 - 734.21, giá trị thay thế, sửa chữa tài sản cần định giá trên tương đương là 17.752.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 26/GĐCH - PC09 ngày 25/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: các dấu vết bẹp, lõm kim loại theo hướng từ ngoài vào trong (từ bên lái qua bên phụ), từ sau về trước, bề mặt trượt xước mất sơn màu đen, bám dính tạp chất màu đen (dạng sơn) tại mặt ngoài cánh cửa phía trước bên trái (bên lái) xe ô tô biển kiểm soát 15A - 525.20 phù hợp với dấu vết trượt xước, mất sơn màu đen, bám dính tạp chất màu đen (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau, từ dưới lên trên tại mặt nạ phía trước đầu xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 134.21. Các dấu vết vỡ, khuyết, mất nhựa tại góc trước dưới bên phải cản trước xe ô tô biển kiểm soát 15A - 525.20 phù hợp với mảnh nhựa bị rách, thùng giắt trên tay đòn bên trái chân chống giữa xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 734.21.

Về vật chứng của vụ án: Hai chiếc dép nhãn hiệu Hermes, hai chiếc dép nhãn hiệu Adidas, một ô tô biển kiểm soát 15A - 525.20, một xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 734.21, một miếng nhựa màu đen dạng ốp nhựa bảo vệ phía dưới xe ô tô, mặt trong có nhãn hiệu Mazda, 01 đồng hồ nhãn hiệu Dior, năm dao các loại và năm điện thoại di động các loại, một số mảnh nhựa... chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố quản lý chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Đình Đăng K yêu cầu bồi thường 1.000.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Vũ Văn Q đã bồi thường đầy đủ. Gia đình bị hại K không còn yêu cầu khác.

Đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Tiến T4 đề nghị bồi thường tổn thất về tinh thần là 2.000.000.000 Đồng và bồi thường tiền mai táng phí là 90.000.000 đồng.

Xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 734.21 do Nguyễn Đình Đăng K mượn của anh Nguyễn Nam T5 là chủ sở hữu hợp pháp, anh Trường đề nghị bồi thường thiệt hại chiếc xe là 45.000.000 đồng, đến nay chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS-P2 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Văn Q, Tạ Đức H3 về tội “Giết người” quy định tại điểm a, b, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lê Hoàng T, Đỗ Thành T2 về tội “Che giấu tội phạm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Quang H7, Từ Văn N1, Nguyễn Hữu D1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Q tù Chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Đức H3 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 06 (sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ (từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021).

Cấm bị cáo Lê Hoàng T đi khỏi nơi cư trú. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo Lê Hoàng T đi chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Thành T2, Nguyễn Quang H7, Từ Văn N1, Nguyễn Hữu D1, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 07/9/2022, bị cáo Vũ Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 19/9/2022, bị cáo Lê Hoàng T kháng cáo xin được cải tạo ngoài xã hội, do mắc bệnh hiểm nghèo.

Ngày 05/9/2022, người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Tiến T4 là bà Vương Thị L kháng cáo cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, chưa đúng người đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Vũ Văn Q giữ nguyên các lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và kháng cáo xin giảm hình phạt. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Q đã ăn năn hối cải tác động tích cực để gia đình tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại Nguyễn Tiến T4 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng; Bị cáo đã chủ động nộp án phí hình sự sơ thẩm và được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận luôn chấp hành tốt pháp luật trong thời gian sinh sống tại địa phương.

Bị cáo Lê Hoàng T và gia đình có đơn xin xét xử vắng mặt do bị cáo sức

khỏe yếu không đi lại được, đang trong giai đoạn trị xạ điều trị bệnh ung thư vòm họng; bị cáo giữ nguyên các lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu và kháng cáo xin được cải tạo ngoài xã hội do mắc bệnh hiểm nghèo, ung thư giai đoạn cuối cần được trị xạ bằng hóa chất liên tục.

Đại diện người bị hại Nguyễn Tiến T4 là bà Vương Thị L và ông Nguyễn Tiến D rút một phần kháng cáo đối với bị cáo Q và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vũ Văn Q; Bà Lgiữ yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo H3 và cho rằng bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên Bà Lkhông nêu cụ thể bỏ lọt tội phạm nào. Không đề nghị xem xét về nội dung chưa thỏa đáng về mức bồi thường, như tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Tạ Đức H3 đã xuất trình Biên lai nộp 29.666.000 (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) để bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Tiến T4, bị cáo xin lỗi tới gia đình bị hại T4 và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trung Hthừa nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo xin lỗi tới gia đình bị hại T4, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và kháng cáo của các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Văn Q, Tạ Đức H3 phạm tội “Giết người”; bị cáo Lê Hoàng T phạm tội “Che giấu tội phạm”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, Q, H3 theo điểm a, b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo T theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo H, Q, H3 đồng phạm giản đơn với nhau về tội Giết người. Bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo Q, bị cáo H3. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện của người bị hại rút kháng cáo và xin giảm hình phạt cho bị cáo Q; giữ nguyên đối với kháng cáo về yêu cầu tăng hình phạt với bị cáo H, bị cáo H3 và cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm nhưng không cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ mới nào mới so với cấp sơ thẩm, ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo H3 xuất trình Biên lai thể hiện đã nộp số tiền 29.666.000 đồng bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại về tăng hình phạt đối với các bị cáo H, H3 và kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm. Đối với bị cáo Q sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường, ra đầu thú nên được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Q phạm tội tuổi đời còn trẻ mới ngoài 18 tuổi; Q được đại diện người bị hại Nguyễn Tiến T4 là bà Vương Thị L và ông Nguyễn Tiến D xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, để thể hiện tính khoan hồng, tính nhân văn của Đảng, Nhà nước và khuyến khích người phạm tội tích cực bồi thường. Đối với bị cáo T đang

mắc bệnh hiểm nghèo bị ung thư giai đoạn cuối phải điều trị xạ thường xuyên, hiện không đi lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xem xét chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện chữa bệnh, kéo dài cuộc sống.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Q: Nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hành vi của bị cáo Q là bột phát, nhất thời, sau khi phạm tội bị cáo ăn năn hối cải, tích cực bồi thường; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; được các gia đình bị hại xin giảm hình phạt, giảm trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này không có việc cơ quan tố tụng bỏ lọt tội phạm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H, H3: Trong vụ án này không có việc cơ quan tố tụng bỏ lọt tội phạm. Các bị cáo phạm tội khi ở độ tuổi vị thành niên. Hình phạt cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là thỏa đáng, phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của gia đình bị hại T4, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H, bị cáo H3.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Vương Thị L: Gia đình rút một phần kháng cáo đối với bị cáo Q và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H, H3. Cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, tuy nhiên đề nghị Tòa cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo Q; tăng hình phạt đối với H và H3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của đại diện hợp pháp người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bị cáo, người bào chữa bảo cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1]. Bị cáo T4 đã được triệu tập hợp lệ nhưng do sức khỏe yếu nên không đến được phiên tòa thể hiện tại đơn trình bày của bị cáo và gia đình; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo khai nhận thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Quang H7 một mình điều khiển xe mô tô cầm 01 kiềng và cùng T4 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15B3 - 734.21 chở K cầm 01 dao tự tạo tiếp tục đi tìm N2 để đánh nhau. Nguyễn Trung H, Vũ Văn Q, Tạ Đức H3 đi xe ô tô CX5 BKS 15A-525.20, do Q điều khiển đi tìm K2 để giải cứu cho K2. Khi xe ô tô của nhóm H đang rẽ trái vào đường H1 thì bị xe mô tô do T4 điều khiển chở phía sau là K đâm ngang xe vào cánh cửa bên ghế lái làm vỡ kính chắn gió của cửa xe và cửa xe bị móp méo; T4 và K bỏ chạy. Khi đuổi theo T4 và K đến đường N0, Q điều khiển xe đánh lái sang phải, phần bên phải của đầu xe ô tô đâm vào đuôi xe mô tô của T4 và K làm cho xe mô tô bị đổ, ngã

văng lên vỉa hè, T4 và K nằm bất tỉnh trên vỉa hè. Q dừng xe ô tô thì H xuống xe cầm dao tự tạo xuống chém 04 nhát vào vùng chân, lưng của K; Q can ngăn và nói “thôi, mày làm gì đấy”, sau đó H lấy 04 con dao tự chế đem giấu vào khe tường gần đó rồi cùng với Q và một số người dân gần đó bế T4 và K lên xe ô tô của Q, sau đó Q và H đưa K và T4 đến bệnh viện Việt Tiệp cấp cứu. Hậu quả: T4 chết do sốc chấn thương sọ não, K chết do sốc đa chấn thương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Trung H, Vũ Văn Q, Tạ Đức H3 về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3]. Xét kháng cáo của đại diện bị hại:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại cấp sơ thẩm Cơ quan điều tra và các cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành điều tra, đấu tranh và áp dụng các biện pháp tố tụng tuy nhiên không có căn cứ xác định ngoài H, Q, H3 còn có người khác tham gia hành vi giết người. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo H, Q, H3 khẳng định chỉ có các bị cáo thực hiện tội phạm Giết người. Đồng thời Bà L và luật sư bảo vệ quyền lợi của mình cũng không nêu ra được các căn cứ, cụ thể các cơ quan tố tụng đã bỏ lọt tội phạm nào để yêu cầu điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa, Bà L đại diện của bị hại T4 cho rằng mức hình phạt đối với các bị cáo H, H3 là nhẹ, cần phải tăng lên nhưng không nêu được căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị L về việc cho rằng các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm và yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo H, H3 do không có căn cứ là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách hình sự đối với người vị thành niên phạm tội.

[4]. Về kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Q:

Trong vụ án này giữa các bị cáo Q, H, H3 và các bị hại không có mâu thuẫn với nhau từ trước. Các bị cáo đang đi tìm K2 để giải cứu thì các bị hại dùng xe mô tô đâm vào xe ô tô do Q điều khiển làm vỡ kính chắn gió của cửa xe và cửa xe ô tô bị móp méo. Q đã điều khiển xe ô tô với tốc độ cao đuổi theo các bị hại và cố ý thực hiện đâm vào đuôi xe mô tô do T4 điều khiển chở K ngồi phía sau. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Q tuổi đời còn trẻ khi phạm tội khi mới qua 18 tuổi, do bồng bột nên nhất thời phạm tội. Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn với nhau. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động để gia đình tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả cho các gia đình bị hại và được các gia đình bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; Sau khi phạm tội bị cáo tích cực chở các bị hại đến bệnh viện cấp cứu và ra đầu thú, bị cáo tích cực nộp án phí sơ thẩm; chính quyền nơi cư trú cũng xác nhận bị cáo trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Q tác

động gia đình tự nguyện tích cực bồi thường thêm ngoài quyết định của bản án sơ thẩm cho gia đình bị hại Nguyễn Tiến T4 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng thể hiện sự ăn năn hối cải và khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; gia đình bị hại Nguyễn Tiến T4 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng, nhân văn; bị cáo cũng tích cực đóng án phí hình sự sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Q được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ăn năn hối cải đáng được khoan hồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ và thể hiện tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, đồng thời phù hợp với chính sách khuyến khích người phạm tội tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả; đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ của bị cáo T:

Sau khi các bị cáo Q, H và H3 phạm tội, bị cáo Trung đưa cho Q, H và H3 mỗi người 500.000 đồng để đi trốn; đưa cho H4 01 điện thoại di động Nokia 105 để H3 liên lạc với H. T biết bị cáo H, Q, H3 đã thực hiện tội phạm nguy hiểm cho xã hội nhưng T vẫn gọi Q, H3 và H từng người vào phòng của T để bàn cách cho bị cáo Q, H3 và H đi trốn, tránh bị bắt. Hành vi của các bị cáo T và Trung đã đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm”. Bị cáo T2 tích cực thực hiện hành vi phạm tội như đưa tiền cho bị cáo H, Q, H3 và đưa điện thoại cho bị cáo H3 để liên lạc với bị cáo H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo T là không phù hợp. Trong vụ án này, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, hiện nay bị cáo T đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối và cần phải điều trị xạ liên tục. Xét thấy, mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật; đồng thời còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh và chống tội phạm. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời cũng thể hiện tính nhân văn đảm bảo việc điều trị xạ chữa bệnh ung thư của bị cáo được liên tục nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa về hình phạt. Do bị cáo T bị bệnh ung thư giai đoạn cuối nên miễn việc khấu trừ thu nhập và không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo.

[6]. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với các bị cáo H, bị cáo H3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, bị

cáo T, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại về kháng cáo bỏ lọt tội phạm và đề nghị tăng hình phạt với các bị cáo H, H3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí: Đại diện bị hại, bị cáo Q, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Vương Thị L về nội dung kháng cáo bỏ lọt tội phạm và đề nghị tăng hình phạt với các bị cáo Nguyễn Trung H, Tạ Đức H3; Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Vũ Văn Q; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng T xin được Cải tạo không giam giữ; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

- Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

- Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Tạ Đức H3 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16/5/2021).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều

51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 12 (người hai) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Che giấu tội phạm”. Được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 16/5/2021 đến ngày 24/5/2021), quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G, quận X, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập và không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo Lê Hoàng T. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ khác quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Tạ Đức H3 đã bồi thường tiếp số tiền 29.666.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tiến T4 theo Biên lai thu số 0000828 ngày 15/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đại diện hợp pháp của bị hại là bà Vương Thị L, bị cáo Vũ Văn Q, bị cáo Lê Hoàng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo H, Q, H3 (qua TTG);
- Bị cáo T (theo địa chỉ);
- Đại diện hợp pháp của bị hại (theo địa chỉ);
- Ủy ban nhân dân phường G, quận X, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Điều Văn Hằng